CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 125-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Masan Brewery
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 219$M_1$01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,72
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,82
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	16,16
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,38
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0,006
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	4,0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	92
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,0
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,2
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 126-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu phố 3 - Thị Trấn Hòa Vinh
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 220$M_1$01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,76
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,43
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	16,17
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	38,0
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0,004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	1,8
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	98
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,3
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,39
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 127-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
4. Ký hiệu mẫu : 221B09/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,18
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,35
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	17,97
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	109
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,3
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,50
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E. Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 128-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cảng Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : $221M_1 09/19$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,19
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,57
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	17,46
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	11,0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	101
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,3
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,2
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,64
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 129-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công Ty Bia Sài Gòn
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : $222M_1 01/19$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,71
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,68
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	16,50
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	38,0
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	10,0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	107
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,25
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,45
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số:130-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 77 Nguyễn Tất Thành
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : $222M_201/19$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,7
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,23
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,49
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	35,94
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	97
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,25
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,32
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 131-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 118A Lê Trung Kiên
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : $222M_301/19$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,78
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,25
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,49
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	36,46
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0,004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	95
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,0
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	0,04
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,26
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

M.S.D.N: 4400[illegible]890 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN T.P TUY HÒA - T.PHÚ YÊN

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 132-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 23/12/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
4. Ký hiệu mẫu : 223B01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 16/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,79
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,65
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,83
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	36,46
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6,4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	99
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	1,0
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	0,02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,45
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,53
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E. Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử